

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HS-ST.
Ngày 17/8/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Vũ.

Ông Phạm Văn Ngải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/TLST-HS, ngày 10 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2026 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1989, nơi sinh tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Tổ E, ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 và bà Trần Thị H1 (chết); vợ tên An Thị Thu H2, sinh năm 1988 (đã ly hôn); con không có; anh, chị, em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2002). Tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã, tạm giữ ngày 26 tháng 3 năm 2026 và chuyển tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2026 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Anh Huỳnh Văn Chí H3, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1994. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/01/2025 bị cáo Nguyễn Văn H quen biết Nguyễn Minh G, sinh năm 1994, cư trú ấp H, xã H (xã H), tỉnh Vĩnh Long, qua mạng xã hội Facebook và hẹn gặp nhau tại địa bàn thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long). Khi bị cáo gặp Nguyễn Minh G, lúc này có mặt Huỳnh Duy T1, sinh năm 1994, cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Buổi chiều cùng ngày, bị cáo, G và T1 cùng thuê phòng trọ tại nhà trọ T2, ngụ ấp V, xã L, thành phố T nay là khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long để nghỉ qua đêm.

Đến sáng ngày 25/01/2025 bị cáo và Nguyễn Minh G cùng nhau bàn bạc đi tìm tài sản lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì cả hai đồng ý. Lúc này G điều khiển xe mô tô biển số 64D1- 114.13 chở bị cáo đi theo hướng Quốc lộ F đến địa bàn ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long, khi đi ngang nhà máy, ngụ ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long bị cáo và G cùng phát hiện xe mô tô biển số 71L1- 066.67, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE F1, màu sơn trắng - đen của anh Huỳnh Văn Chí H3, sinh năm 2003, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) dựng trước nhà máy, trên xe mô tô có gắn chìa khóa trong ổ khóa và không có người trong coi, lúc này G dừng xe cách nơi xe mô tô đang dựng khoảng 15 mét, bị cáo H xuống xe, đi bộ đến lấy xe mô tô biển số 71L1-066.67 rồi nổ máy xe điều khiển chạy hướng về thành phố Hồ Chí Minh, còn G điều khiển xe mô tô quay về nhà trọ. Khi lên đến thành phố Hồ Chí Minh bị cáo bán xe mô tô biển số 71L1- 066.67 cho người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) được số tiền 6.000.000 đồng. Khi có được tiền bị cáo tiêu xài hết và lẫn trốn khỏi địa phương (bút lục số: 190-199);

Ngày 27/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an sự huyện C, tỉnh Trà Vinh ra yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 27/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: Một xe mô tô biển số 71L1- 066.67, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE F1, số khung: RLHJC7651Y140576, số máy: JC90E0466977, màu sơn trắng đen có giá trị là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); (Bút lục số: 84-85).

Quá trình điều tra do bị cáo Nguyễn Văn H bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh V) ra quyết định truy nã đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST, ngày 27/6/2025 Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Nguyễn Minh G 09 tháng tù về

tội trộm cắp tài sản. Tại Bản án Hình sự Phúc thẩm số 96/2025/HS-PT, ngày 22/9/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên án là giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST, ngày 27/6/2025 (bút lục số: 223-226).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn N (là cha bị cáo G) đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho bị hại anh Huỳnh Văn Chí H3 số tiền 30.000.000 đồng, nay ông N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải khắc phục trả lại số tiền mà ông đã bồi thường cho bị hại.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSVLG-KV, ngày 10/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng và thống nhất quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H đồng ý bồi thường trả lại 50% giá trị tài sản định giá tương ứng số tiền 15.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa anh Huỳnh Văn Chí H3, anh Nguyễn Minh G và ông Nguyễn Văn N đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Phạm Minh L đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật được nêu trong bản Cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho ông Nguyễn Văn N 50% thiệt hại tài sản trong vụ án tương ứng số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 50% thiệt hại tài sản trong vụ án tương ứng số tiền 15.000.000 đồng ông N có quyền đòi anh Nguyễn Minh G trả lại số tiền này cho ông. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Văn H nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị hại là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo

tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 25 tháng 01 năm 2025, tại nhà máy, ngụ ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Nguyễn Văn H cùng anh Nguyễn Minh G có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 71L1-066.67 của anh Huỳnh Văn Chí H3. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 27/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: Một xe mô tô biển số 71L1- 066.67, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE F1, số khung: RLHJC7651Y140576, số máy: JC90E0466977, màu sơn trắng đen có giá trị là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên là đúng, bị cáo thống nhất bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo hộ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải thông qua lao động mà có được, bị cáo đã lén lút thực hiện trộm cắp xe mô tô của anh Huỳnh Văn Chí H3, kết quả định giá xe mô tô trị giá là 30.000.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo Nguyễn Văn

H trộm cắp xe mô tô của bị hại mục đích bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này bị cáo và Nguyễn Minh G cùng phạm tội trộm cắp tài sản có tính chất đồng phạm thể hiện các hành vi: Cùng nhau bàn bạc đi tìm tài sản lấy trộm, Nguyễn Minh G dùng xe mô tô chở bị cáo H đi tìm tài sản để lấy trộm, G và bị cáo cùng phát hiện xe mô tô của anh H3 đang dựng tại Nhà máy T3, G đậu xe ngoài lộ cảnh giới chờ, bị cáo là người trực tiếp vào lấy trộm xe mô tô của anh Huỳnh Văn Chí H3 rồi tẩu thoát khỏi hiện trường. Hành vi của anh Nguyễn Minh G đã bị Tòa án xử phạt 09 tháng tù, anh Nguyễn Minh G đã chấp xong hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, trong vụ án này, bị cáo là người giữ vai trò chính, là người thực hành, trực tiếp trộm xe mô tô, sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho Cơ quan Tố tụng trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan tiến hành tố tụng đã ra Quyết định truy nã và bắt bị cáo theo Quyết định truy nã tạm giữ ngày 26/3/2026 và chuyển tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2026 cho đến nay, xét hành vi của từng bị cáo trong vụ án này thì hành vi của bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn Nguyễn Minh G. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo và Nguyễn Minh G là đồng phạm cùng thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của anh H3, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 30.000.000 đồng. Do hành vi phạm tội của bị cáo và anh G đều trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh H3 nên bị cáo và anh G cùng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ giá trị tài sản cho anh H3. Xét về mức độ tham gia và trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án là có trách nhiệm ngang nhau đối với thiệt hại đã gây ra, từ đó anh G phải chịu trách nhiệm bồi thường 50% giá trị tài sản, tương ứng số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường 50% giá trị tài sản, tương ứng số tiền 15.000.000 đồng cho bị hại là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST, ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh có ghi nhận ông Nguyễn Văn N (cha anh G) đã bồi thường cho anh H3 nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng, nên bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 15.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Số tiền còn lại 15.000.000 đồng còn lại ông Nguyễn Văn N có quyền đòi anh Nguyễn Minh G trả lại nếu ông N có yêu cầu.

[3]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSNDKV11 – Vĩnh Long;
- Phân trại tạm giam An Trường - Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm